

Số : /2024/BC-ĐHCĐ

Việt Trì ngày 26 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

A- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SXKD NĂM 2023

I- Đánh giá chung về thị trường

- Năm 2023 ngành dệt may Việt Nam đứng trước nhiều khó khăn thách thức khi phụ thuộc nhiều vào chi phí đầu vào, giá nhân công lao động và suy thoái kinh tế. Chiến tranh Nga - Ucraina, suy thoái kinh tế toàn cầu hiện nay đẩy nhu cầu suy giảm trên cả thị trường trong nước lẫn các nước nhập khẩu lớn: Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc,...

- Trong bối cảnh chung đó, năm 2023 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Dệt Vĩnh Phú cũng gặp rất nhiều khó khăn, cụ thể : Thị trường nội địa giảm sút khiến cho việc tiêu thụ hàng hóa gặp nhiều khó khăn. Do không xuất khẩu được nên tập trung cạnh tranh tại thị trường nội địa ngày càng khốc liệt dẫn đến giá bán hàng hóa giảm.

II- Tình hình thực hiện KH SXKD năm 2023

1- Về mặt quản lý điều hành

1.1- Mua sắm bổ sung thêm một số tài sản:

- 54 máy dệt T610: Sản lượng sản xuất năm 2023 của 54 máy dệt T610 là: 1.821.911 m

- Máy xử lý bông phế: đã hoàn thành việc lắp đặt và đưa máy vào sử dụng.

- 05 máy se và 01 Lò hơi 2.000kg/h (đã qua sử dụng).

- 02 máy OE và 02 máy chải: đã đặt cọc và mở LC trong tháng 1/2024, dự kiến máy về tháng 5/2024.

1.2- Sản xuất

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	Năm 2023	
						SS với KH 2023	SS với năm 2022
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Sản phẩm chủ yếu Sợi toàn bộ (quy Ne 20) Vải thành phẩm	Tấn 1000 m ²	5.32 5 15.9 44	5.864 16.439	4.846 15.406	82,6 93,7	91,0 96,6
2	Doanh thu (Không VAT)	Tỷ đồng	475,42	429,99	362,87	76,2	76,3
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,00	6,87	-18,05	- 262,7	-180,5
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	32,39	27,56	20,30	73,7	62,7
5	Thu nhập bình quân của người lao động	Triệu đ / người / tháng	9,91	9,95	8,10	85,6	81,7

Nguyên nhân:

- Giá nguyên liệu bông phế các loại tăng 20,42% trong khi đó giá bán không tăng, thậm chí một số mặt hàng giá bán giảm, (Đơn giá bông phế BQ năm 2022 là 17.802đ/kg, năm 2023 là: 21.437đ/kg)
- Lãi suất vay ngân hàng 2023 cao (8%-8,5% so với 6,5% năm 2022).

1.3- Công tác nhân sự:

- Do tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn nên nhân sự cũng phải rút gọn, các vị trí hành chính phải kiêm nhiệm thêm.

- Lao động bình quân năm 2023 là: 370 lao động bằng 91,3% so với năm 2022 (Bình quân LĐ năm 2022 là: 405 lao động)

Lao động rút gọn nhưng không ảnh hưởng đến sản xuất, thể hiện ở việc sản xuất vẫn đạt chỉ tiêu bằng với năm 2022 (vải đạt 93%), so với chỉ tiêu KH cả năm 2023 (đã được điều chỉnh do dừng sản xuất sợi cộc) đạt với yêu cầu đề ra (Sợi đạt 104%, vải đạt 97%)

2 – Về mặt tài chính

2.1- Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022
1	Chỉ số thanh toán hiện hành	%	88.5%	91.7%
2	Chỉ số thanh toán nhanh	%	2.9%	14.1%
3	Vòng quay các khoản phải thu	vòng	6.1	9.2
4	Số ngày bình quân vòng quay các khoản phải thu	ngày	60	39.6
5	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	3.5	3.9
6	Số ngày bình quân vòng quay hàng tồn kho	ngày	105.1	92.9
7	Tỷ suất LN trước lãi vay và thuế trên Vốn KD (ROCE)	%	-7.81%	7.07%
8	Vòng quay vốn lưu động	Vòng	3.93	2.60

Các chỉ tiêu về vòng quay các khoản phải thu, vòng quay hàng tồn kho và vòng quay vốn lưu động so với năm 2022 đều bị dài hơn, đây là chỉ tiêu không tốt cho tình hình tài chính của công ty.

2.2- Một số chỉ tiêu về chi phí

TT	Chi tiết	Năm 2023	Năm 2022	Ghi chú
I	GIÁ VỐN/DOANH THU	96.6%	92.5%	
1	Sợi nội địa	105.5%	95.7%	
2	Sợi xuất khẩu	90.4%	82.0%	
3	Vải bán xuất khẩu	81.0%	67.9%	

4	Vải bán nội địa	91.9%	91.3%	
5	Kho bông sơ (Sợi Ne26PE)	95.4%	104.6%	
6	Khác (bông hạt, sợi rời....)	38.9%	72.0%	
7	KD dịch vụ	45.1%	50.0%	
II	Phân tích chi phí			
1	Chi phí bán hàng/Dthu	1.2%	1.3%	
	Sợi nội địa	0.8%	0.7%	
	Sợi xuất khẩu	4.5%	8.2%	
	Vải bán xuất khẩu	4.9%	16.8%	
	Vải bán nội địa	1.4%	1.2%	
2	Chi phí QLDN/Dthu	3.9%	3.5%	
	Sợi nội địa	4.0%	3.6%	
	Sợi xuất khẩu	4.0%	3.6%	
	Vải bán xuất khẩu	4.0%	3.6%	
	Vải bán nội địa	4.0%	3.6%	
3	Chi phí TC/Dthu	3.0%	1.9%	
	Sợi nội địa	4.0%	2.3%	
	Sợi xuất khẩu	4.0%	2.3%	
	Vải bán xuất khẩu	2.4%	1.6%	
	Vải bán nội địa	2.4%	1.6%	

- Chỉ tiêu Doanh thu năm 2023 không bằng năm 2022 do thị trường khó khăn, giá bán thấp không tương xứng với giá trị sản xuất, Nhu cầu mua thấp trong khi nguồn cung quá nhiều, dẫn đến cạnh tranh gay gắt về giá bán. Nhiều doanh nghiệp chấp nhận bán với giá thấp hơn giá thành rất nhiều, chấp nhận lỗ để có đơn hàng khiến giá bán trên thị trường giảm mạnh.

- Chi phí tài chính tăng cao, do lãi suất ngân hàng Năm 2023 bình quân là 8%/năm, trong khi LS năm 2022 bình quân là 6,5%.

B- KẾ HOẠCH NĂM 2024

1- Mua sắm tài sản:

Hoàn thiện nhập 02 máy OE Saurer và 02 máy chải.

2- Thanh lý TSCĐ.

- Thanh lý 24 máy dệt kiểm Picanol sản xuất năm 1996
- Thanh lý một số máy móc thiết bị cũ, lạc hậu, không hiệu quả.

3- Kế hoạch sản xuất năm 2024

- Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 theo nhận định của HĐQT, công ty sẽ tiếp tục khó khăn, nhất là trong Quý 1+2/2024. Các công ty trong ngành tiếp tục sản xuất ra nhiều sản phẩm nhưng nhu cầu mua rất thấp dẫn đến cạnh tranh về giá bán. Do vậy để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, HĐQT có một số đề xuất sau:

- + Duy trì sản xuất ổn định, đảm bảo việc làm cho người lao động.
- + Tiếp tục tối ưu chi phí sản xuất (tiết kiệm điện, nhân công, vật tư phụ tùng...)
- + Tích cực tìm đơn hàng và thu hồi công nợ.
- + Lựa chọn mặt hàng phù hợp.
- + Duy trì và nâng cao sản lượng.
- + Tái cơ cấu và sử dụng lao động hợp lý.
- + Tạo thêm nguồn vốn kinh doanh từ việc thanh lý bớt các máy móc, thiết bị lạc hậu, không còn giá trị sử dụng.
- + Tập trung vấn đề liên kết chuỗi trong ngành dệt may.
- + Gia tăng thị trường xuất khẩu phối hợp với các đơn vị hoàn tất (Bảo Minh, Nhuộm Hà Nội, Dệt Nam Định, Dệt lụa,...);
- Từ những nhận định trên, HĐQT công ty kính trình ĐHCĐ Kế hoạch SXKD năm 2024 với các chỉ tiêu cơ bản sau: (có chi tiết KHSXKD năm 2024 kèm theo).

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	So sánh KH 2024/ TH 2023
	A	B	1	2	3=2/1
1	Sản phẩm chủ yếu Sợi toàn bộ (quy Ne 20)	Tấn 1000 m ²	4.846 15.406	4.076 13.39	84,11 60,00

	Vải thành phẩm				2	
2	Doanh thu (Không VAT)	Tỷ đồng	362,87	403,91		111,31
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-18,05	1,20		-6,65
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	20,30	24,49		120,64

Trên đây là Báo cáo tình hình SXKD năm 2023 và Kế hoạch SXKD năm 2024 của HĐQT Công ty CP dệt Vĩnh Phú.

Kính trình ĐHCĐ thông qua.

CHỦ TỊCH HĐQT

Đã ký

Nguyễn Xuân Đông